

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 50/2018/KDTM-ST

Ngày: 08/11/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Thế Hiền**

Ông Nguyễn Chí Cường

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25,31/10 và 08/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 12/2015/TLST-KDTM ngày 24/4/2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25/9/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2018/QĐST-KDTM ngày 15/10/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 480/2018/QĐST-KDTM ngày 31/10/2018, giữa:

Nguyên đơn: Công ty C

Trụ sở: P.O B 6390, tầng 4, Tòa nhà P, B, Tiểu vương quốc K

Người đại diện: **Ông Chetan K** - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Văn T1** - Sinh 1981

Chức vụ: Đại diện toàn quyền của C tại Việt Nam

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G

Trụ sở: số 11, ngõ 232, Đ, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh tại: Số 467, đường N, tổ dân phố B, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Trường T2** - Chức vụ: Giám đốc
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số DN: 0101502447, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/4/2014)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số DN: 0101502447, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/3/2017 thì người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Hữu X** - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Đỗ Minh H** - Sinh 1979

Địa chỉ: Số 23, ngõ 402, phố B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 17/10/2016)

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có mặt tại phiên tòa các ngày 25+31/10/2018, vắng mặt ngày 08/11/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/12/2014 cùng các lời khai của Nguyên đơn tại Tòa án có nội dung:

Trong các ngày 12 và 19/5/2014, Công ty C (*pháp nhân của Các tiểu vương quốc A*) có ký kết 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa mang các số 120514/TCI/CRM và 190514/TCI/CRM với Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G (*Gọi tắt là Công ty G*). Nội dung của hai Hợp đồng thể hiện việc Công ty C cung cấp cho Công ty G 1000 tấn nhựa đường 60/70 (+/-5%) (mỗi hợp đồng cung cấp 500 tấn); Xuất xứ nhựa đường từ Trung Đông; Hàng hóa giao tại Cảng bốc: Bất kỳ cảng biển chính nào của Trung Đông; Cảng đến: Cảng Hải Phòng, Việt Nam; Thời gian gửi hàng là 30 ngày kể từ khi ký kết hợp đồng; Tổng giá trị tiền mua hàng của 2 Hợp đồng là 577.000 USD.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty C đã giao cho Công ty G 1.030 tấn nhựa đường (bao gồm cả khối lượng bao bì) có giá trị là 582.731,98 USD tương đương 12.473.374.024VNĐ. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ hàng hóa theo thỏa thuận thì Công ty G không chịu thanh toán trả tiền cho Công ty C và có hành vi trốn tránh nên Công ty C phải khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty G phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi suất do việc chậm thanh toán tiền mua hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án, tham gia đối chất, tham gia hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng người đại diện của Công ty G đều vắng mặt không lý do.

Xác minh tại địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty G: số 11, ngõ 232, Đ, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, Tòa án được cung cấp trước đây Công ty G đã từng thuê nhà ở địa chỉ này nhưng sau đó ông Nguyễn Trường T2 (giám đốc Công ty) đã chuyển đi đâu không rõ. Khi xác minh tại địa điểm kinh doanh của Công ty G: Số 467, đường N, tổ dân phố B, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội, Tòa án thấy Công ty vẫn treo biển hiệu và hoạt động bình thường, trong kho có nhiều thùng nhựa đường và có 01 nhân viên bảo vệ trông coi nhà kho là ông Nguyễn Văn T3. Ông T3 từ chối không nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án giao với lý do ông T2 (giám đốc) không cho nhận.

Mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng yêu cầu ông Nguyễn Trường T2 phải có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Thành vẫn cố tình vắng mặt làm vụ án bị kéo dài.

Ngày 21/7/2016 Công ty C gửi Đơn đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án nêu trên sang Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Nội để truy tố ông Nguyễn Trường T2 - Giám đốc Công ty G về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Công ty C.

Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án và chuyển Đơn kiến nghị khởi tố vụ án hình sự của Công ty C đến Công an

thành phố Hà Nội điều tra làm rõ về hành vi trên của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G cùng cá nhân ông Nguyễn Trường T2 - Người đại diện theo pháp luật của Công ty để Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi được thông báo rằng Cơ quan Điều tra đã có văn bản nội dung đơn tố cáo của Công ty C là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu hình sự, ngày 31/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại. Tuy nhiên mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản: Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, Thông báo triệu tập đương sự đến Tòa, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Mãi đến khi nhận được Thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ngày 05/9/2018 người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn mới có mặt để giao nộp một số bản photo tài liệu, chứng cứ không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Để có cơ sở xem xét, đánh giá các tài liệu nêu trên, Tòa án tiếp tục phải ban hành Quyết định yêu cầu Bị đơn xuất trình các bản gốc của tài liệu để đối chiếu. Cùng với việc xuất trình tài liệu, *Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G (Công ty G)* có Công văn gửi Tòa với nội dung: Hai Công ty (C và Công ty G) thỏa thuận mua bán 1000 tấn nhựa đường đặc đóng thùng 60/70 xuất xứ Trung Đông, không phải xuất xứ Iran. Vì Bên bán chưa cung cấp đủ 1 lần và Bên mua vẫn còn tồn 1025 tấn hàng mua từ trước nên hai bên thống nhất chia thành 2 hợp đồng.

Khi nhận lô hàng thứ nhất (Hợp đồng 1): 500 tấn nhưng Bên bán chỉ giao 488,17 tấn. Hàng giao bị chậm 15 ngày so với hợp đồng (26/6/2014 mới nhận được hàng). Số hàng được đựng trong 25 container = 2.750 thùng nhưng có 189 thùng khi xuống hàng bị chảy; 203 phuy dính bẫn; Còn lại 2.358 phuy nguyên đai.

Lô hàng thứ hai (Hợp đồng 2): 500 tấn được Bên bán giao cho Bên mua 489,57 tấn. Giấy báo nhận hàng của đại lý hãng tàu về Tân cảng Hải Phòng là ngày 10/7/2014 nhưng do Bên bán làm mất hồ sơ nên ngày 25/8/2014 mới nhận được hồ

sơ, ngày 3/9/2014 mới thông quan được lô hàng. Khi nhận hàng tại cảng 25 container đều thủng , nhựa chảy ra dính vào container và kho bãi thất thoát rất nhiều. Trong đó có 1066 phuy vỡ hỏng hoàn toàn.

Công ty G phải bỏ tiền chi phí để khắc phục hậu quả và phát sinh:

- Tiền đóng thuế:	1.1198.605.795đ
- Tiền phạt lưu container:	604.936.661đ
- Tiền mua dung môi và xăng dầu để rửa container:	13.000.000đ
- Tiền thuê nhân công xuống hàng, vệ sinh container:	190.000.000đ
- Tiền cước vận chuyển 50 container từ Hải Phòng về Kho Hà Nội	387.500.000đ

Tổng cộng: 2.394.042.456đ

Sau khi bán 02 lô hàng được 6.866.702.876đ - 2.394.042.456đ (chi phí phát sinh) = 4.472.660.420đ nhưng hiện nay còn 03 đơn vị mua hàng còn nợ tiền hàng chưa trả.

Khi Cơ quan điều tra Công an Hà Nội đang giải quyết Đơn tố cáo của Công ty C, Công ty G đã thanh toán cho Công ty C 1.000.000.000đ tại Công an Hà Nội.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty C, Công ty G đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, bản thân Công ty C đã vi phạm nghiêm trọng các nội dung trong hợp đồng mà hai bên ký kết về thời gian giao hàng, chất lượng hàng hóa, xuất xứ hàng hóa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thừa nhận Bị đơn đã thanh toán trả Nguyên đơn 1.000.000.000đ tương đương với 43.900USD (quy đổi tại thời điểm thanh toán ở Cơ quan điều tra - Công an Hà Nội). Nguyên đơn đề nghị Bị đơn phải thanh toán nốt số tiền nợ còn thiếu là 533.100USD và tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức 9%/số nợ đã quy đổi ra VNĐ tại thời điểm xét xử, thời hạn yêu cầu thanh toán kể từ ngày đến hạn trả tiền 01/8/2014.

Bị đơn thừa nhận việc ký kết hợp đồng và số lượng hàng hóa đã nhận đúng như Nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên Bị đơn cho rằng Nguyên đơn đã vi phạm hợp

đồng khi giao hàng không đúng xuất xứ, không đúng thời gian, không đủ số lượng, không đạt chất lượng nên đề nghị trừ đi các chi phí phát sinh kể từ khi Bị đơn nhận hàng và bán cho các đối tác khác, số còn lại sẽ thanh toán trả Nguyên đơn. Do việc kinh doanh của Bị đơn gặp nhiều khó khăn nên đề nghị được trả dần.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính:

Tòa án thành phố Hà Nội thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án không thể hiện việc lấy lời khai của đương sự nhưng đương sự đã có lời khai gửi Tòa án. Vụ án thụ lý từ tháng 04/2015 đến tháng 7/2016 thì tạm đình chỉ để chờ kết quả giải quyết Đơn tố giác tội phạm do Công ty C đề nghị Công an Hà Nội giải quyết. Vụ án bị kéo dài vì Bị đơn chống đối không đến Tòa và chờ kết quả giải quyết đơn tố giác tội phạm.

Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của Tòa án, cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc, tại phiên hòa giải, công khai chứng cứ.

Về nội dung: Việc giao hàng và thời hạn giao hàng, số lượng hàng hóa đã được Bị đơn thừa nhận. Bị đơn cho rằng chất lượng hàng hóa không đúng, lượng hàng hóa bị chảy làm thiệt hại cho Bị đơn và yêu cầu phải đối trừ thanh toán nhưng lời khai này chỉ xuất hiện tại phiên tòa nên không thuộc phạm vi xét xử. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về số tiền phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 50, 306 Luật Thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Công ty C (Pháp nhân thuộc Các tiểu Vương quốc A thống nhất) và Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G (Công ty G) tức một bên đương sự là pháp nhân nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh.

Về nội dung: Xét hợp đồng mua bán hàng hóa số 120514/TCI/CRM ngày 12/5/2014 và hợp đồng mua bán hàng hóa số 190514/TCI/CRM ngày 19/5/2014 giữa Công ty C và Công ty G đã được các bên đương sự thống nhất về thời gian giao kết hợp đồng, giá cả, số lượng hàng hóa mà Bên bán (C) bán cho Bên mua (Công ty G).

Bị đơn cho rằng Bên bán vi phạm về xuất xứ hàng hóa bởi hàng giao là nhựa đường của Iran không phải của Trung Đông như thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên khi được hỏi Iran có thuộc Trung Đông không thì Bị đơn thừa nhận Iran là 1 trong các nước thuộc Trung Đông.

Bị đơn cho rằng Nguyên đơn giao hàng chậm hơn theo quy định tại hợp đồng mua bán (Hợp đồng quy định là hàng phải được giao nhận là 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng).

Điều 3 của 02 Hợp đồng số 120514 (1) ngày 12/5/2014 và Hợp đồng số 190514 (2) ngày 19/5/2014 quy định về Gửi hàng - giao hàng đã quy định rõ “Hàng hóa sẽ được gửi trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng”

Đối chiếu với vận đơn hàng hóa thì thấy: Ngày ký Hợp đồng số (1) 12/5/2014 hết hạn 30 ngày là 12/6/2014 nhưng thực tế theo vận đơn thì 05/6/2014 hàng hóa đã được bốc lên tàu tại nơi đi; Ngày ký Hợp đồng số (2) là 19/5/2014, hết hạn 30 ngày là 19/6/2014 nhưng thực tế theo vận đơn thì ngày 20/6/2014 hàng hóa đã được bốc lên tàu tại nơi đi. Vì vậy không có căn cứ cho rằng Nguyên đơn phải giao hàng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Bị đơn còn cho rằng Nguyên đơn vi phạm về số lượng hàng hóa khi cả 02 Hợp đồng quy định số lượng hàng hóa phải giao là 1000 tấn nhưng thực tế Nguyên đơn chỉ giao có 977,75 tấn.

Điều 1 của 02 Hợp đồng nêu trên quy định số lượng hàng hóa là 1000 tấn cộng hoặc trừ 5%. Như vậy thì số lượng hàng hóa các bên thỏa thuận tối đa sẽ không vượt quá 1050 tấn và tối thiểu không dưới 950 tấn. Số hàng hóa Nguyên đơn

đã giao 977,75 tấn là nằm trong phạm vi cho phép của Hợp đồng nên lý do này của Bị đơn cũng không được chấp nhận.

Tiếp theo, Bị đơn còn cho rằng hàng hóa Nguyên đơn giao cho Bị đơn không đúng chất lượng quy định trong hợp đồng nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Trong khi đó Nguyên đơn xuất trình được Chứng thư kiểm định quốc tế SGS hàng hóa được kiểm định đúng như quy cách, chất lượng đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn cho rằng trong quá trình nhận hàng tại Cảng Hải Phòng thì khoảng hơn 2000 thùng phuy bị chảy mất gần hết nhựa và làm bẩn container nên Bị đơn phải bỏ ra nhiều tiền để thuê công nhân và mua dung dịch để cọ rửa...Tuy nhiên Bị đơn cũng thừa nhận không có văn bản khiếu nại về chất lượng và thiệt hại với Nguyên đơn.

Điều 7 của các Hợp đồng nêu trên đã quy định: Khiếu nại về chất lượng không đảm bảo hoặc thiếu về số lượng trong bất kỳ chuyển giao sản phẩm nào sẽ không có hiệu lực nếu không đưa ra bằng thông báo bằng văn bản trong vòng 15 ngày sau nhận hàng tại cảng dỡ hàng, thông báo phải kèm theo bằng chứng về việc không tuân thủ theo kiểm tra của một bên thứ 3 do SGS cung cấp.

Do vậy, lời khai này của Bị đơn cũng không có căn cứ chấp nhận.

Vụ án thụ lý từ tháng 4/2015 nhưng Bị đơn không chấp hành quy định của Tòa án, không đến Tòa án tự khai, tham gia đối chất, tham gia hòa giải... Chỉ sau khi được Cơ quan Công an triệu tập theo Đơn tố giác tội phạm do Công ty C đề nghị thì Bị đơn mới đến Tòa án để giao nộp một số tài liệu nhưng rồi tiếp tục vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ...Đến tại phiên tòa lần thứ 2 Bị đơn mới có mặt và đề nghị được xem xét các chi phí phải bỏ ra để vận chuyển hàng hóa đã mua từ cảng Hải Phòng về kho bãi. Yêu cầu này được đề nghị sau khi Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và chỉ xuất hiện tại phiên tòa nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu Bị đơn có đơn yêu cầu nộp kèm các tài liệu chứng cứ chứng minh sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu còn thời hiệu khởi kiện.

Về nguyên tắc đã mua hàng thì phải trả tiền, Công ty G đã mua hàng thì phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty C là đúng đắn.

Số tiền Công ty G phải trả gồm:

Số nhựa đường đã nhận theo Hợp đồng số (1): $488,175 \text{ tấn} \times 577\text{USD} = 281.676,98 \text{ USD}$.

Số nhựa đường đã nhận theo Hợp đồng số (2): $489,575 \text{ tấn} \times 577\text{USD} = 282.484,75 \text{ USD}$

Tổng cộng Hợp đồng (1) + (2) = $564.161,725 \text{ USD} - 43.900 \text{ USD (đã trả)} = 521.161,725\text{USD}$ đây là số nợ gốc Công ty G phải thanh toán trả Công ty C.

Ngoài ra Công ty C còn yêu cầu Công ty G phải thanh toán số tiền chậm trả của số nợ gốc nêu trên.

Xét thấy: Hợp đồng (1) và (2) đều quy định thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng theo hóa đơn hướng dẫn. Do chậm thanh toán nên Công ty G còn phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 đã quy định *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”*

Theo quy định về lãi suất cho vay bằng đồng USD tại thời điểm xét xử sơ thẩm lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng là Vietcombank, BIDV, Đông Á là $6,033\% \times 150\%$ (lãi suất chậm trả) = $9,05\%$

Số tiền chậm thanh toán được tính như sau:

Tiền chậm trả của Hợp đồng (1):

Từ 01.8.2014 đến 25.11.2016 là 842 ngày $\times 281.677\text{USD} \times 9,05\% = 58.805,67\text{USD}$

Từ 26.11.2016 đến 8/11/2018 (ngày xét xử) là 703 ngày $\times 237.777\text{USD}$ (Đã trừ số tiền 43.900USD đã trả) $\times 9,05\% = 43.506,68\text{USD}$

Tiền chậm thanh toán của Hợp đồng (2):

Từ 26.9.2014 đến 8/11/2018 là 1488 ngày x 282.485USD x 9,05% = 104.220,71USD.

Tổng lãi chậm trả của 2 Hợp đồng mà Công ty G phải trả là: 206.533USD.

Tỷ giá quy đổi từ USD sang VNĐ tại thời điểm xét xử 1USD = 23.370VND.

Ngoài ra, Công ty G còn phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Từ những nhận định trên

Áp dụng các Điều 30, 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán tiền mua hàng của Công ty C đối với Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G.

- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G phải thanh toán trả Công ty C số tiền 521.161,725USD nợ gốc và 206.533USD tiền lãi chậm trả tương đương 12.158.522.940đ (gốc) và 4.826.677.559đ (lãi).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (08/11/2018) người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G phải chịu 124.958.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty C 60.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04507 ngày 11/4/2015 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, Công ty C kể từ ngày tuyên án, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng G kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTP Hà Nội
- Cục thi hành án dân sự Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh